

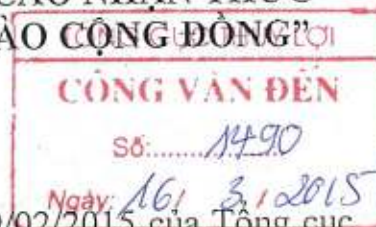
UBND TỈNH TIỀN GIANG
BAN CHỈ HUY PCTT&TKCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 60/BC-NCNTCD

Tiền Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO
KẾT QUẢ 05 NĂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “NÂNG CAO NHẬN THỨC
CỘNG ĐỒNG VÀ QUẢN LÝ THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG”
GIẢI ĐOẠN 2009 - 2014



Thực hiện công văn số 186/TCTL-GNTT ngày 09/02/2015 của Tổng cục Thủy lợi về việc báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014;

Căn cứ Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 29/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020.

Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Tiền Giang xin báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014 như sau:

I. Kế hoạch thực hiện đã phê duyệt:

1. Năm 2009: chưa triển khai.

2. Năm 2010:

- Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 29/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020.

- Kế hoạch số 260/KH-PCLB ngày 24/8/2010 của Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2010.

3. Năm 2011: Kế hoạch số 99/KH-PCLB ngày 18/4/2011 của Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2011.

4. Năm 2012: Kế hoạch số 81/KH-PCLB ngày 23/02/2012 của Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2012.

5. Năm 2013: Kế hoạch số 95/KH-NCNTCD ngày 18/3/2013 của Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về nâng cao nhận thức cộng

đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2013.

6. Năm 2014: Kế hoạch số 392/KH-NCNTCĐ ngày 20/8/2013 của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2014.

II. Kết quả 05 năm thực hiện:

Kết quả 05 năm thực hiện được báo cáo chi tiết tại *Phụ lục 06 “Mẫu báo cáo kết quả theo dõi, đánh giá cấp tỉnh”*.

(Đính kèm *Phụ lục 06 “Mẫu báo cáo kết quả theo dõi, đánh giá cấp tỉnh”*)

III. Đánh giá quá trình, kết quả thực hiện:

1. Những mặt tích cực:

- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng được sự đồng thuận cao của các ngành, các cấp từ tỉnh đến địa phương, đặc biệt là ở cộng đồng nên việc triển khai thực hiện gặp nhiều thuận lợi và đạt kết quả cao.

- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch này cũng đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền, đoàn thể các cấp cấp cơ sở trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai và nhận thức của người dân trong việc phòng, tránh thiên tai được nâng lên rõ rệt, giảm đáng kể thiệt hại khi có thiên tai gây ra.

2. Những mặt hạn chế:

- Đội ngũ tập huấn viên được đào tạo về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng còn thiếu, có trường hợp được đào tạo xong thì chuyển công tác gây khó khăn trong việc triển tập huấn.

- Một số cộng đồng còn ỷ lại, chủ quan coi việc phòng chống thiên tai là nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước.

- Các chế độ hỗ trợ cho cán bộ, cộng đồng tham gia thực hiện Kế hoạch Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng chưa cao nên phần nào làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện.

- Do thiếu nguồn kinh phí nên một số hoạt động không thể triển khai thực hiện.

IV. Khó khăn, vướng mắc:

1. Tổ chức:

- Đến nay, tỉnh vẫn chưa có quyết định cụ thể về việc thành lập hệ thống thực hiện đề án cấp tỉnh, huyện, xã cũng như phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong hệ thống thực hiện đề án nên chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhóm thực hiện đề án.

- Hiện tại, đội ngũ giảng viên các cấp đều là kiêm nhiệm, nên khó khăn cho việc tổ chức giảng dạy. Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên này chưa được đào tạo nâng cao để cập nhật kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện đề án.

2. Đầu mối: Chưa xác định rõ cơ quan đầu mối và cán bộ chuyên trách thực hiện đề án ở các cấp địa phương.

3. Tài chính:

Nhu cầu tài chính thực hiện Đề án là rất lớn, tuy nhiên ngân sách từ Trung Ương chưa phân bổ, ngân sách tỉnh còn nhiều hạn chế nên các hoạt động của đề án triển khai còn chậm và hiệu quả chưa cao.

4. Các vấn đề khác:

Bộ chỉ số Theo dõi, đánh giá Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” vừa được Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành vào 9/2014 chậm hơn so với thời gian tỉnh Tiền Giang triển khai thực hiện đề án (3/2010) nên có một số nội dung trong Bộ chỉ số tỉnh chưa được đưa vào Kế hoạch thực hiện đề án hàng năm để thực hiện.

V. Đề xuất

- Phân bổ kinh phí cho tỉnh để triển khai thực hiện Kế hoạch Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Tổ chức Tập huấn “Bộ chỉ số theo dõi đánh giá Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” cho hệ thống thực hiện đề án các cấp.

- Tổ chức đào tạo thêm giảng viên cấp tỉnh về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. Đồng thời, tổ chức đào tạo nâng cao cho đội ngũ giảng viên các cấp để cập nhật kiến thức và nâng cao kỹ năng giảng dạy để thực hiện đề án.

- Ban hành cơ chế, chính sách, chế độ cụ thể cho cán bộ tham gia thực hiện kế hoạch Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Để đề án được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả và đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch đã đề ra đề nghị Trung ương bằng các nguồn vốn hỗ trợ của quốc tế cũng như các nguồn vốn hỗ trợ của tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước tiếp tục hỗ trợ tỉnh triển khai thực hiện hiệu quả đề án trong giai đoạn còn lại.

Trên đây là báo kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2009 -:- 2014./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi;
- BCĐ PCLB Trung ương;
- UBND tỉnh;
- Lưu VT, QLN (Thịnh).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN
BAN CHỈ HUY
PHÒNG CHỐNG
THIÊN TAI
VÀ TÌM KIẾM
CỨU NẠN
TỈNH TIỀN GIANG

Nguyễn Thanh Cẩn

UBND TỈNH TIỀN GIANG
BAN CHỈ HUY PCTT & TKCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 6

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẤP TỈNH
(Đính kèm báo cáo số.../BC-NCNTCD của Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh ngày... tháng... năm 2015)

Tỉnh: TIỀN GIANG

Ngày gửi báo cáo: 10.2.2015

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 1B	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	Đã có	- Quyết định phê duyệt danh sách cán bộ tham gia lớp đào tạo thuộc Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCD”. - Công văn về việc tập huấn nâng cao năng lực cho thành viên BCH PCTT và TKCN huyện. - Công văn về việc tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác PCTT - Công văn về việc	

	Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 1C	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Đã có	tập huấn kiến thức về PCTT cho cộng đồng.		Các huyện thị xã và thành phố
Chỉ số 2A	Số lượng tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Đã có	Quyết định phê duyệt danh sách cán bộ tham gia lớp đào tạo tập huấn viên cấp huyện thuộc Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT DVCĐ”. - Công văn về việc tập huấn kiến thức về PCTT cho cộng đồng. - Đã xây dựng và ban hành 06 kế hoạch, trong đó 01 kế hoạch tổng thể và 05 kế hoạch năm		
Chỉ số 2B	Số lượng tỉnh đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Tỉnh đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Đã có	-04 báo cáo (mỗi năm có báo đánh giá kết quả thực hiện năm trước và kế hoạch thực hiện năm sau)		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			H.Chợ Gạo: 4 H.Gò Công Tây: 4 H.Gò Công Đông:6 H.Tân Phú Đông:4 TX.Gò Công: 5		
			Nam: 09 Nữ: 01		
			Nam:39 Nữ:3		
Chỉ số 5A= $5A1/5A2*100\%$	Số lượng cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD (5A1) Tổng số cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai (5A2)	Người		Huyện Gò Công Đông: 28 Huyện Gò Công Tây: 28 Thị xã Gò Công: 28 Huyện Tân Phú Đông: 28 Huyện Chợ Gạo: 28 Huyện Cái Bè: 28	
Chỉ số 5B	Số lượng cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng	278		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				Huyện Cai Lậy: 27 Huyện Tân Phước: 28 Huyện Châu Thành: 28 T.p Mỹ Tho: 27	
Chỉ số 5C	Số lượng cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRRT-DVCD	Số lượng cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRRT-DVCD	Người 1700	Huyện Gò Công Đông: 250 Xã: Phước Trung, Tăng Hòa, Tân Thành, Tân Điện, Kiến Phước, TT. Vàm Láng, Gia Thuận, Tân Phước, Bình Ân, Bình Tây, mỗi	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				xã 25 người	
				Huyện Gò Công Tây: 125 Xã: Bình Tân, Long Bình, Long Vĩnh, Bình Phú, Đồng Sơn, mỗi xã 25 người	
				Xã: Bình Đông, Bình Xuân, Tân Trung, Long Hưng, Long Thuận, Long Hòa,	
				Thị xã Gò Công:	

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chi số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
				175	Long Chánh, mỗi xã 25 người	
					Xã: Phú Tân, Phú Đông, Phú Tân, Tân Phú	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)		Thông tin bổ sung
				(3)	(5)	
(1)	(2)	(3)	(4)		Quon Long, mỗi xã 25 người	(6)
				Huyện Cái Bè: 250	Xã: Hậu Mỹ Bắc B, Hậu Mỹ Bắc A, Mỹ Trung, Mỹ Tân, Thiên Trung, Mỹ Lợi B, Tân Hưng, An Hữu, Mỹ Lương, Tân Thành, mỗi xã 25 người	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)		Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)
				Xã: Mỹ Thành Bắc, Phú Cường, Thanh Lộc, Tân Bình, Mỹ Thành Nam, Tân Phong, Ngũ Hiệp, Tam Bình, Long Trung, Tân Phú, mỗi xã 25 người Huyện Cai Lậy: 250		
				Xã: Mỹ Thành Bắc, Phú Cường, Thanh Lộc, Tân Bình, Mỹ Thành Nam, Tân Phong, Ngũ Hiệp, Tam Bình, Long Trung, Tân Phú, mỗi xã 25 người		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				Xã: Tân Hòa Tây, Tân Hòa Đông, Thanh Hòa, Thanh Tân, Thanh Mỹ. mỗi xã 25 người Huyện Tân Phước: 125	
				Xã: Nhị Bình, Kim Sơn, Song Thuận, Diêm Hy, Phú Phong, mỗi xã 25 người Huyện Châu Thành: 125	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					tính có thể huy động, sử dụng để thực hiện Đề án.
Chỉ số 6B	Số lượng tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Người	250	Huyện Gò Công Đông: 25	
				Huyện Gò Công Tây: 25	
				Thị xã Gò Công: 3	
				Huyện Tân Phú Đông: 25	
				Huyện Chợ Gạo: 25	
				Huyện Cái Bè: 25	
				Huyện Cai Lậy: 25	
				Huyện Tân Phước: 25	
				Huyện Châu Thành: 25	
				Tp.Mỹ Tho: 25	
Chỉ số 6C	Tỷ lệ tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	39,3	Huyện Gò Công Đông	68/173 xã phương
	Tỷ lệ tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD			13/13 xã	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
				Huyện Tân Phú Đông	6/6 xã	thị trấn
				Thị xã Gò Công	7/12 xã Phường	
				Huyện Gò Công Tây	05/13 xã	
				Huyện Chợ Gạo	05/19 xã	
				Thành phố Mỹ Tho	05/17 xã phường	
				Huyện châu Thành	06/23 xã	
				Huyện Tân Phước	06/13	
				Huyện Cai Lậy	08/16 xã	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				Huyện cái Bè	
Chỉ số 6D= 6D1/6D2*100%	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Số lượng	Nam:26 Nữ:12		
	Tổng số thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh (6D2)	Số lượng	Nam:39 Nữ:14		
	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ %	100%	Mỗi huyện, thị xã và thành phố thành lập một nhóm gồm 25 người.	10 huyện, thị xã và thành phố
	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ %	39,3%	1700/4325 người (68 xã/173 xã) thuộc 10 huyện, thị và thành	25 người/xã
Chỉ số 6F	Tỷ lệ thành viên nhóm cộng đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ %			Chưa thực hiện
Chỉ số 6G	Tỷ lệ thành viên nhóm cộng đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ %			
Chỉ số 7A= 7A1/7A2*100%	Số lượng xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm (7A1)	Xã	74		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (7A2)	Xã	173	Xã Phước Trung: 275 Xã Tăng Hòa: 275 Xã Tân Thành: 375 Xã Tân Điện: 375 Xã Kiểng Phước: 375 TT. Vàm Láng: 375 Xã Gia Thuận: 275 Xã Tân Phước: 275 Xã Bình Ân: 125 Xã Bình Tây: 125 Xã Tân Hòa: 50 Huyện Gò Công Đông: 2.900 Huyện	
Số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Người	18.500		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				Gò Công Tây: 1.325	Tân: 325 Xã Long Bình: 375 Xã Long Vĩnh: 375 Xã Bình Phú: 125 Xã Đồng Sơn: 125
				Thị xã Gò Công: 1.625	Xã Bình Đông: 375 Xã Bình Xuân: 375 Xã Tân Trung: 375 Xã Long Hưng: 125 Xã Long Thuận: 125 Xã Long Chánh: 125 Xã Long Hòa: 125
				Huyện Tân Phú	Xã Phú Tân: 375 Xã Phú

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				Xã Mỹ Trung: 350 Xã Mỹ Tân: 275 Xã Thiện Trung: 225 Xã Mỹ Lợi B: 275 Xã Tân Hưng: 225 Xã Tân Thành: 225 Xã An Hữu: 125 Xã Mỹ Lương: 125 Xã Mỹ Lợi A: 50 Xã Hậu Mỹ Trinh: 100 Xã Mỹ Trung: 25 Xã Mỹ Thành Bắc: 275	
				Huyện Cai Lay:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				2.550	Xã Phú Cường: 275
				Xã Thành Lộc: 275	
				Xã Tân Bình: 225	
				Xã Mỹ Thành Nam: 275	
				Xã Tân Phong: 225	
				Xã Ngũ Hiệp: 225	
				Xã Tam Bình: 225	
				Xã Long Trung: 125	
				Xã Tân Phú: 125	
				Xã Mỹ Hạnh Trung: 100	
				Xã Mỹ Phước Tây: 100	
				Xã Tân	
				Huyện	
				Xã Tân	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				Tân Phước :1.475 Hòa Tây: 225 Xã Thạnh Hòa: 375 Xã Thạnh Tân: 275 Xã Thạnh Mỹ: 325 Xã Tân Hòa Đông: 275 Xã Nhị Bình: 375 Xã Kim Sơn: 225 Xã Song Thuận: 225 Xã Phú Phong: 325 Xã Diêm Hy: 275 Xã Đạo Thạnh: 225 Xã Trung An: 125 Xã Tân Mỹ Chánh:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				125 Xã Thới Sơn: 375 Phường Tân Long: 375	
Chỉ số 9A= 9A1/9A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã triển khai diễn tập hàng năm	xã	43/173 xã, phường, thị trấn	25% số xã, phường, thị trấn được tổ chức diễn tập hàng năm	
Chỉ số 10A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Đã có	Đã sử dụng tập huấn cho nhóm tập huấn viên cấp tỉnh và nhóm tập huấn viên cấp huyện		
Chỉ số 10B= 10B1/10B2*100%	Tỷ lệ huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Huyện	10	100	
		Huyện	10		
Chỉ số 10C= 10C1/10C2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và	Số lượng	68/173 xã, phường, thị trấn		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	PTNT/TCTL ban hành đề tập huấn				
	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng	68/173 xã, phường, thị trấn		
Chỉ số 11A1	Tỷ lệ cấp huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Chưa có			
Chỉ số 11B= 11B1/11B2*100 %	Tỷ lệ cấp huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Chưa có			
Chỉ số 11C= 11C1/11C2*100 %	Tỷ lệ cấp xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Chưa có			
Chỉ số 12A= 12A1/12A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia	Số lượng	173 xã		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	của cộng đồng			173/173 xã, phường, thị trấn thực hiện	
		Số lượng	173 xã		
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (12A2)				
	Số lượng xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương (13A1)	Số lượng	12 xã		
	Tỷ lệ xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương	Số lượng	12/173 xã		
Chỉ số 13A= 13A1/13A2*100 %					
		Chưa có			
	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14A1)				
Chỉ số 14A= 14A1/14A2*100 %		Chưa có			
	Tỷ lệ xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14B1)	Chưa có			
	Tỷ lệ xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Chưa có			
Chỉ số 14B= 14AB1/14B2*100 %					

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Chỉ số 15A	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Đã có	Máy laptop, máy chiếu, màn chiếu, máy bộ đàm, xe hộ đề, máy phát điện,...	
Chỉ số 15B	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Chưa có	Các huyện chủ yếu chỉ có máy laptop, máy chiếu, màn chiếu	
Chỉ số 15C	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Chưa có	Hầu hết các xã chưa có trang thiết bị để thực hiện đề án	
Chỉ số 16A1	Số lượng tỉnh có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Tỉnh có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Chưa có		
Chỉ số 17A = $\frac{17A1}{17A2} \times 100\%$	Tỷ lệ xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai	Số lượng xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai (17A1)	Số lượng	173/173 xã, phường, thị trấn	Tuy nhiên vẫn còn một số xã hệ thống truyền tin cảnh báo sớm đã bị xuống cấp.
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (17A2)	Số lượng	173/173 xã, phường, thị trấn	
Chỉ số 18A	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ %	100%	Hầu hết người dân đều nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				qua hệ thống ddaft truyền thanh, hệ thống loa truyền thanh, loa tay...	Chưa khảo sát, thống kê
Chỉ số 19A= $19A1/19A2 \times 100\%$	Tỷ lệ xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng	Số lượng xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng (19A1) Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (19A2)	Số lượng		
Chỉ số 20A	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ %	Huyện A Xã A: Xã B: 	Chưa khảo sát, thống kê
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRIT	Số lượng giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRIT (22A1) Tổng số giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh (22A2)	Số lượng Nam: Nữ: Số lượng Nam: Nữ:	Chưa được tập huấn	
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã	Số lượng giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã	Số lượng	Nam: 341	16,08%

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	được đào tạo, tập huấn về QLRRTT		Nữ:876		
Chi số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:165	Chưa tập huấn	
			Nữ:243		
		Số lượng	Nam:1668		
			Nữ:3336		
Chi số 22D= 22D1/22D2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:	Chưa tập huấn	
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chi số 22E= 22E1/22E2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:	Chưa tập huấn	
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (22E2)		Nữ:		
	Số lượng giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRTT (22F1)	Số lượng	Nam:	Không	
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRTT		Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22G= 22G1/22G2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRTT	Số lượng	Nam:	không	
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng	Nam:4		
			Nữ:1		

	Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCE ở cấp huyện	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCE ở cấp huyện	Số lượng	không có		
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCE ở cấp xã	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCE ở cấp xã	Số lượng	Chưa xác định		
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %	Chưa có	Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %			
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 22D= 22D1/22D2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22D1)	Số lượng	Nam:341 Nữ:876		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22D2)	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 22E= 22E1/22E2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: Nữ:		
	Tổng số giáo viên các trường tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (22E2)	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22F1)	Số lượng	Nam: Nữ:		
	Tổng số giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (22F2)	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 22G= 22G1/22G2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: Nữ:		
	Tổng số giáo viên các trường	Số lượng	Nam:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	đại học trên địa bàn tỉnh (22G2)		Nữ:		
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng	Nam:4 Nữ:1		
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng	Huyện A: Huyện B:		
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng	Huyện A Xã A: Xã B: ... Huyện B Xã A: Xã B: ...		
Chỉ số 24A= 24A1/24A2*100 %	Tỷ lệ các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa.	Số lượng			
Chỉ số 24B= 24B1/24B2*100 %	Tỷ lệ các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh (24B2)	Số lượng			
Chỉ số 24C= 24C1/24C2*100 %	Tỷ lệ các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng			
Chỉ số 24D= 24D1/24D2*100 %	Tỷ lệ các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng	125		
Chỉ số 24E= 24E1/24E2*100 %	Tỷ lệ các trường tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng	36		
	Tổng số các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh (24D2)	Số lượng			
	Số lượng các trường tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24E1)	Số lượng			
	Tổng các trường tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (24E2)	Số lượng	07		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 24F= 24F1/24F2*100 %	Tỷ lệ các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng			
Chỉ số 24G= 24G1/24G2*100 %	Tỷ lệ các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng	03		
Chỉ số 25A	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng	01		
Chỉ số 25B	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng	24340 tiết dạy 16272 lượt sinh hoạt câu lạc bộ		
	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng	16.560 tiết dạy 400 lượt sinh hoạt dưới cờ		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			(4/2013-11/2013) - Dự án "Xây dựng quan hệ đối tác nhằm tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu của các cộng đồng ven biển Việt Nam" tỉnh Tiền Giang (9/2012-12/2014).		
Chỉ số 27C= $\frac{27C1}{27C2} \times 100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Triệu đồng	-Năm 2010: 190 -Năm 2011: 411,8 -Năm 2012: 766 -Năm 2013: 980 -Năm 2014: 2.065 Tổng: 4.412,8	100%	Theo kế hoạch được duyệt
		Triệu đồng			
Chỉ số 27D= $\frac{27D1}{27D2} \times 100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng			
		Số lượng			
Chỉ số 27E	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn	Tỷ lệ %	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn	Huyện A:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (<i>ngành Nông nghiệp và PTNT</i>)			Huyện B: Huyện A: Huyện B:	Không có
Chỉ số 27F	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (<i>ngành GD-ĐT</i>)	Tỷ lệ %			
Chỉ số 27G	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ %			Không có
Chỉ số 28C= 28C1/28C2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh (<i>ngành Nông nghiệp và PTNT</i>)	Kinh phí từ nguồn vốn ODA đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (<i>ngành Nông nghiệp và PTNT</i>) (28C1)	Triệu đồng	- Dự án “Xây dựng quan hệ đối tác nhằm tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu của các cộng đồng ven biển Việt Nam” tỉnh Tiền Giang 2012- 2014: +Năm 2012: 620tr +Năm 2013: 4.369tr +Năm 2014: 4.351tr - Dự án “Hợp tác hỗ trợ thực hiện Chương trình Quốc	
		Tổng kinh phí từ nguồn vốn ODA hàng năm của tỉnh (<i>ngành Nông nghiệp và PTNT</i>) (28C2)	Triệu đồng		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			gia về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại các tỉnh dễ bị tổn thương ở Việt Nam"; 705tr - Dự án "Tổng hợp nhân rộng các bài học về Phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai tại Tiền Giang và Đồng Tháp" 2010-2011: 482tr		
Chỉ số 28D= $\frac{28D1}{28D2} \times 100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng	Kinh phí từ nguồn vốn ODA đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (28D1)		Không có
	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng	Tổng kinh phí từ nguồn vốn ODA hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (28D2)		
Chỉ số 28E	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Huyện A:	Không có
				Huyện B:	
					
Chỉ số 28F	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ	Tỷ lệ %	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ	Huyện A:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)			Huyện B:	
Chỉ số 28G	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của xã	Tỷ lệ %		Huyện A: Xã A:	Không có
				Huyện B: Xã B:	
					
					
Chỉ số 29C= 29C1/29C2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng			Không có
		Số lượng			
Chỉ số 29D= 29D1/29D2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng			Không có

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp được cấp hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (29D2)	Số lượng			
Chỉ số 29E	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	Không có
Chỉ số 29F	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	Không có
Chỉ số 29G	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ %			Không có

